# Toán: BÀI 20: ĐỀ-XI-MÉT VUÔNG

**TIẾT 2**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù.**

**-** HS nhận biết độ lớn 1 dm (diện tích hình vuông có cạnh dài 1 dm); nhận biết tên gọi, kí hiệu, quan hệ giữa đề-xi-mét vuông và xăng-ti-mét vuông; đọc, viết các số đo theo đơn vị đề-xi-mét vuông; thực hiện được việc ước lượng các kết quả đo lường trong trường hợp đơn giản, thực hiện được việc chuyển đổi và tính toán với các số đo diện tích đề-xi-mét vuông, xăng-ti-mét vuông.

* Giải quyết vấn đề đơn giản liên quan đến đơn vị đo diện tích.
* HS có cơ hội phát triển các năng lực tư duy và lập luận toán học, mô hình hoá toán học, giao tiếp toán học và các phẩm chất trung thực, trách nhiệm.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, đọc bài và trả lời các câu hỏi. Nêu được nội dung bài.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, giải bài tập, phân tích và hoàn thành yêu cầu các bài toán.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: tham gia thảo luận nhóm phát biểu trước lớp.

**3. Phẩm chất.**

Đoàn kết, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- SHS, VBT, SGV.

- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SHS phóng to.

* GV: Giấy kẻ ô vuông, mỗi cạnh 10 ô vuông dùng cho nội dung Cùng học và bài Thử thách, bảng cho bài Thực hành (nếu cần).
* HS: Giấy kẻ ô vuông, cạnh mỗi ô vuông dài 1 dm dùng cho mục Giới thiệu đề-xi-mét vuông (GV chuẩn bị).

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **TIẾT 2**  |
| **1. Khởi động.(4p)****- Mục tiêu:**  + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.+ Ôn tập lại kiến thức về đề-xi-mét vuông đã học ở tiết 1. **- Cách tiến hành:** |
| - GV tổ chức cho học sinh chơi trò chơi “Truyền mic”- GV mở nhạc và cho truyền mic. Nhạc dừng bất kì GV yêu cầu HS nhận được mic trả lời câu hỏi:+ 1m2 = ......?dm2+ 1dm2 = .......?cm2+ 500cm2 = .....?dm2+ 6m2 = .......?dm2 | - HS tham gia trò chơi. + 1m2 = 100 dm2+ 1dm2 = 100 cm2+ 500cm2 = 5 dm2+ 6m2 = 600 dm2 |
| **2. Hoạt động Khám phá và luyện tập***.***- Mục tiêu:** **-** HS chuyển đổi các số đo diện tích có liên quan đến đề-xi-mét vuông.- HS giải quyết được vấn đề thực tiễn sử dụng đơn vị đo diện tích đã học. - Phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học.- Cách tiến hành: |
| **2.1. Hoạt động 1: Bài tập 1. (7p)**- HS (nhóm đôi) tìm hiểu bài, nhận biết:• Yêu cầu của bài: Chuyển đổi các số đo diện tích.• Tìm thế nào? - Hỏi nhanh đáp gọn ôn lại cách chuyển đổi đơn vị • Một đề-xi-mét vuông bằng bao nhiêu xăng-ti-mét vuông? * Năm đề-xi-mét vuông bằng bao nhiêu xăng-ti-mét vuông?
* Mười bảy đề-xi-mét vuông bằng bao nhiêu xăng-ti-mét vuông? (mười bảy trăm xăng-ti-mét vuông) → Viết? (1700 cm3)

• Tám trăm xăng-ti-mét vuông bằng bao nhiêu đề-xi-mét vuông?* Một nghìn năm trăm xăng-ti-mét vuông bằng bao nhiêu xăng-ti-mét vuông?
* HS thực hiện cá nhân.
* Sửa bài, GV cũng có thể cho HS chơi tiếp sức (hoặc truyền điện) để sửa bài (tạo điều kiện cho nhiều HS điền / nói). GV sửa cặn kẽ câu c).

Ví dụ:**2.2. Hoạt động 2: Bài tập 2. (6p)**- GV (hoặc một HS) đọc từng câu. Sau đó GV cho HS chọn đáp án cả lớp bằng đông hoa đúng sai hoặc bảng con. GV gọi 1 – 2 học sinh giải thích đáp án. * GV nhận xét, tuyên dương HS.

**2.2. Hoạt động 3: Bài tập 3. (6p)** | - HS trả lời lần lượt các câu hỏi dẫn dắt của GV. + chuyển đổi đơn vị đo+ coi trăm là đơn vị đếm+ một trăm xăng-ti-mét vuông+ năm trăm xăng-ti-mét vuông+ mười bảy trăm xăng-ti-mét+ tám để-xi-mét vuông+ mười lăm trăm xăng-ti-mét vuông tức là mười lăm đề-xi-mét vuông- HS làm bài vào phiếu bài tập cá nhân. - HS tham gia trò chơi truyền điện để sửa bài, nêu đáp án. Đáp án: 1. 4dm2 = 400cm2

7dm2 = 400cm212dm2 = 1 200cm21. 200cm2 = 2dm2

900cm2 = 9dm21000cm2 = 10dm21. 14dm2 70cm2= 1 470cm2

14dm2 = 1 400cm2 1 400cm2 + 70cm2 = 1 470cm2- HS lắng nghe, sửa bài sai. * Cả lớp suy nghĩ, chọn thẻ Đ/S (hoặc viết Đ/S vào bảng con) rồi giơ lên theo hiệu lệnh của GV.

Ví dụ: a) D.b) S (vì chu vi hình A là 4 dm và chu vi hình B là 50 cm).c) S (vì diện tích hình A bằng diện tích hình B và cùng bằng 1 dm → tổng diện tích hai hình là 2 dm3).- HS nhận xét bạn, lắng nghe giáo viên.  |
| **3. Hoạt động vận dụng trải nghiệm(6p)**- Mục tiêu:+ Khai thác cảm nhận của học sinh về nội dung bài đọc. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.- Cách tiến hành: |
| **Bài tập 3*** HS xác định yêu cầu, thực hiện cá nhân.
* Sửa bài, GV khuyến khích HS có thể giải thích tại sao chọn đáp án đó.
* GV mời HS nhận xét.
* GV nhận xét, chốt đáp án.

**Thử thách (6p)*** GV yêu cầu HS đọc đề bài và quan sát hình ảnh để hiểu yêu cầu đề.
* GV mời HS lên bảng xác định chu vi, diện tích của hình M bằng cách lấy bút lông đánh dấu.
* GV tổ chức hoạt động nhóm đôi.
* GV mời HS đại hiện một số nhóm phát biểu nêu cách làm bài.
* GV nhận xét, sửa bài cho HS.
* GV nhận xét, tuyên dương HS
 | * HS làm bài vào vở.
* 1 HS lên bảng trình bày cách làm.

Ví dụ: S = a x b (có cùng đơn vị đo)120 cm = 12 dm4 × 12 = 48 → chọn đáp án D: 48 dm.* HS nhận xét bài.
* HS làm sai sửa lại bài.
* HS quan sát hình ảnh, nhận biết yêu cầu của bài.
* HS lên bảng đánh dấu chu vi hình M là viền bao quanh. Diện tích là phần các ô nhỏ bên trong.
* HS thảo luận nhóm đôi.
* HS trả lời và nhận xét câu trả lời của bạn.

+ Dựa vào hình ảnh, tìm kiếm độ dài các cạnh. (Có bốn cạnh có độ dài 1 dm và bốn cạnh có độ dài 5 cm)– Tìm cách thực hiện: tính chu vi và diện tích hình M.• Chu vi: 1 dm = 10 cm10 cm x 4 + 5 cm x 4 = 40 cm + 20 cm= 60 cmDiện tích hình M. Hình M gồm 2 lưới ô vuông 1dm xếp chồng lên nhau.Lấy diện tích 2 lưới ô vuông trừ đi phần diện tích chồng lên nhau. 1dm = 10 cm10cm x 10cm = 100 cm2 S = 100cm2 – 5cm x 5cm = 100cm2 – 25cm2 = 75cm2Hoặc HS có thể tính diện tích bằng cách đếm số ô vuông nhỏ. 1 ô vuông tương ứng với 1cm2.* HS lắng nghe, sửa bài.
 |
|  |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY:**

................................................................................................................................

................................................................................................................................

................................................................................................................................